TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS–ST
Ngày: 18 - 3 -2025
V/v tranh chấp hợp
đồng góp hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Mỳ – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2024/TLST–DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXXST–DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1964;

Cư trú tại: Tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị C: chị Dương Thị Kiều N, sinh năm 1983; cư trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (hợp đồng ủy quyền ngày 26/9/2024), là người đại diện theo ủy quyền, có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1988; vắng mặt

Cư trú tại: Tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1981; vắng mặt

Cư trú tại: Tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị C trình bày:

Do quen biết nhau nên bà C có cho chị Trần Thị H tham gia góp dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 05/4/2021 dương lịch, hụi gồm 25 phần, chị H góp 02 phần hụi và góp hùn chung với bà T1 01 phần, cụ thể:

- Phần hụi thứ 1: Vào kỳ khui hụi thứ 01 ngày 05/04/2021 chị H kêu hụi 570.000 đồng và được lĩnh hụi. Bà C đăng hụi cho chị H ngày 10/04/2021 với số tiền là 33.320.000 đồng (sau khi đã trừ tiền cò 1.000.000 đồng). Khi đăng hụi thì bà có viết nội dung giấy đăng hụi, phần chữ ký ghi ở mục người nhận tiền "trần thị hoa" là chữ viết và chữ ký của chị H.

Sau đó anh Phan Văn T là chồng chị H đến đóng hụi 05 tháng được 10.000.000 đồng. Việc anh T đóng hụi cho bà là giao tiền mặt, không làm giấy ký nhận, không ai biết việc này.

Phần hụi này chị H còn nợ lại 19 kỳ x 2.000.000 đồng = 38.000.000 đồng.

- Phần hụi thứ 2: Vào kỳ hụi thứ 3 ngày 05/06/2021 chị H tiếp tục kêu 530.000 đồng được lĩnh hụi. Bà C đăng hụi cho chị H ngày 10/06/2021 với số tiền là 36.810.000 đồng (sau khi đã trừ cò 1.000.000 đồng). Khi đăng hụi thì bà có viết nội dung giấy đăng hụi, phần chữ ký ghi ở mục người nhận tiền "trần thị hoa" là chữ viết của chị H.

Sau đó chị H đóng hụi được 3 kỳ với số tiền 6.000.000 đồng. Hiện chị H còn nợ 19 kỳ x 2.000.000 đồng = 38.000.000 đồng.

- Phần hụi thứ 03, góp chung giữa chị H và bà Lê Thị T1: Chị H với bà T1 hùn góp 01 phần hụi và đã kêu lĩnh hụi ngày 05/09/2021 bà T1, chị H kêu 620.000 đồng. Ngày 10/09/2021 bà C đăng hụi cho bà T1 và chị H cùng nhận số tiền 35.220.000 đồng (sau khi đã trừ cò 1.000.000 đồng) trong đó chị H được nhận 17.610.000 đồng. Khi đăng hụi thì bà có viết nội dung giấy đăng hụi, phần chữ ký ghi ở mục người nhận tiền "trần thị hoa" là chữ viết của chị H, phần chữ ký Lê Thị T1 là do bà T1 tự ký tên. Sau khi lĩnh phần hụi này bà T1 đã đóng hụi đầy đủ hàng tháng 1.000.000 đồng đến mãn hụi. Còn chị H không đóng hụi nên hiện còn nợ 19 tháng số tiền 19.000.000 đồng.

Như vậy, chị H còn nợ bà C 03 phần hụi nêu trên tổng số tiền 95.000.000 đồng khấu trừ 2.000.000 đồng anh T đã trả cho chị H khi lĩnh phần hụi của anh T nên hiện còn nợ lại 93.000.000 đồng.

Nay bà C yêu cầu chị Trần Thị H và chồng là anh Phan Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 93.000.000 đồng vì khi góp hụi, lĩnh hụi chị H và anh T

còn chung sống vợ chồng, chị H mang tiền về sinh hoạt trong gia đình, chị H lĩnh hụi về để mua phân bón cao su.

Bị đơn – anh Phan Văn T trình bày:

Anh và chị Trần Thị H trước đây là vợ chồng, đến tháng 02/2021 thì H đã bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân. Đến ngày 05/01/2023 anh và chị H ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Hiện chị H sống ở đâu, làm gì anh không biết.

Anh không biết việc H góp dây hụi này với bà C và cũng không đóng hụi thay cho chị H lần nào.

Đới với cá nhân anh có góp riêng 01 phần hụi dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 05/4/2021 dương lịch do bà Nguyễn Thị C làm chủ hụi. Phần hụi của anh đã lĩnh hụi và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hụi cho bà C.

Khi góp hụi bà C không đưa danh sách hụi cho hụi viên, H cũng không cho anh biết việc H góp hụi với bà C.

Phần hụi của anh trực tiếp góp với bà C thì anh đã lĩnh hụi khi hụi gần mãn, anh đã đề nghị bà C cấn trừ luôn tổng số tiền hụi chết mà anh phải đóng, do thời gian đã lâu nên anh không nhớ trừ bao nhiêu tiền. Mặt khác, khi anh lĩnh phần hụi của anh thì bà chính mới thông báo việc H góp hụi riêng với bà C và còn nợ hụi không đóng, bà C có xin anh trả 2.000.000 đồng phần hụi của H thì anh có đồng ý.

Do đó anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C, anh không đồng ý trả nợ cho chị H vì H tự góp hụi riêng, anh không nợ bà C khoản tiền nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn chị Trần Thị H nhưng chị H cố tình vắng mặt nên không thể tiến hành làm việc lấy lời khai, hòa giải.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị C có chị Dương Thị Kiều N đại diện ủy quyền trình bày: Bà C vẫn giữ yêu cầu chị Trần Thị H và anh Phan Văn T cùng có trách nhiệm hoàn trả số tiền nợ hụi 95.000.000 đồng, khấu trừ 2.000.000 đồng mà anh T đã trả, còn lại 93.000.000 đồng. Đây là khoản tiền góp hụi trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị H còn là vợ chồng, chị H mang tiền về để lo cho gia đình nên yêu cầu anh T phải có trách nhiệm liên đới cùng chị H trả nợ cho bà C.

- Bị đơn – anh Phan Văn T: có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn – chị Trần Thị H: vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: qua công tác kiểm sát xét thấy từ khi thụ lý vụ án, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, chuyển hồ sơ vụ án, quá trình thu thập chứng cứ, lấy lời khai hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các bên đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, buộc chị Trần Thị H phải trả cho bà C số tiền nợ hụi 93.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C về việc buộc anh Phan Văn T cùng có trách nhiệm với chị H trả nợ cho bà C. Về án phí: chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, anh Phan Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh T.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C yêu cầu chị Trần Thị H và anh Phan Văn T cùng có trách nhiệm hoàn trả số tiền nợ hụi 93.000.000 đồng, xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà C cung cấp giấy ghi hụi thể hiện chị H và anh T có tham gia góp cùng dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 05/4/2021 dương lịch, hụi gồm 25 phần, trong đó:

Chị H một mình góp 02 phần hụi tên hụi viên "Trần Thị H" vị trí số 10, số 24 trong danh sách hụi và chị H có ký tên lĩnh hụi vào các ngày 10/04/2021 (kỳ thứ 1), ngày 10/06/2021 (kỳ thứ 3).

Chị H hùn góp chung 01 phần hụi với bà Lê Thị T1 với tên hụi viên "Lê Thị T1" vị trí số 22. Chị H và bà T1 đã cùng ký tên lĩnh hụi vào ngày 10/9/2021 (kỳ hụi thứ 6).

Bà C thừa nhận sau khi lĩnh hụi phần hụi chị H góp riêng có đóng được 05 kỳ số tiền 10.000.000 đồng thì đến tháng 9/2021 ngưng đóng. Nay bà H xác định chị

H còn nợ lại tiền hụi số tiền góp riêng 02 phần x 19 kỳ x 2.000.000 đồng = 76.000.000 đồng và phần góp chung với bà T1 nợ lại 19 kỳ x (2.000.000 đồng : 2) = 19.000.000 đồng, tổng cộng 95.000.000 đồng. Bà C tự nguyện đồng ý khấu trừ 2.000.000 đồng khoản tiền anh T đóng hụi cho chị H 2.000.000 đồng nên còn nợ 93.000.000 đồng,

Anh T2 góp 01 phần hụi tên hụi viên "Phan Văn T" vị trí số 15. Anh T và bà C đều thừa nhận việc anh T một mình góp riêng phần hụi này và cá nhân anh T đã tự thực hiện nghĩa vụ đóng hụi xong, không còn nợ tiền bà C.

Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện chị H đã bỏ địa phương đi từ tháng 11/2021 đến nay. Đến ngày 05/01/2023 chị H và anh T ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Bà chính yêu cầu cả chị H và anh T cùng có trách nhiệm trả số tiền 93.000.000 đồng vì cho rằng quá trình góp hụi chị H, anh T còn chung sống vợ chồng, chị H mang tiền về sinh hoạt trong gia đình. Xét thấy, việc góp hụi của chị H và anh T với bà C mặc dù phát sinh trong thời kỳ hôn nhân chị H, anh T còn tồn tại, tuy nhiên việc góp hụi này không phải để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt chung của gia đình do mỗi người tự giao dịch riêng, không cho người còn lại biết, kể cả chủ hụi bà C cũng ý thức được việc chị H góp riêng hụi, chị H hùn góp hụi chung thì lại hùn góp với bà T1 mà không phải vợ chồng chị H, anh T cùng góp một phần hụi. Mặt khác, mỗi lần chị H lĩnh hụi thì bà C chỉ giao tiền cho một mình chị H và chỉ yêu cầu chị H ký nhận, không yêu cầu anh T ký nhận trong khi anh T xác nhận không biết, không liên quan đến việc góp hụi của chị H. Ngoài lời trình bày bà C không có chứng cứ chứng minh việc anh T đóng 10 kỳ hụi dùm cho chị H và chị H dùng tiền lĩnh hụi để chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình như lời bà C trình bày.

Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ trong vụ việc*".

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu chị H có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi gốc 93.000.000 đồng, ghi nhận bà C không yêu cầu tính tiền lãi. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà C về việc yêu cầu anh T cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà C.

Do đó đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên là có căn cứ.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp được miễn nộp.

Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 93.000.000 đồng x 5 % = 4.650.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với chị Trần Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc chị Trần Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 93.000.000 (chín mươi ba triệu) đồng. Ghi nhận bà C không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, chị Trần Thị H không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng chị H phải trả cho bà C số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu anh Phan Văn T cùng có trách nhiệm với chị Trần Thị H hoàn trả số tiền 93.000.000 (chín mươi ba triệu) đồng cho bà Nguyễn Thị C.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

Chị Trần Thị H phải chịu 4.650.000 (bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Mai Thị Kim Thu